

# TỊNH DANH HUYỀN LUẬN

## QUYỂN 7

### III. LUẬN VỀ HỘI XỨ :

Gồm hai môn:

1. Giải thích hội xứ.

2. Luận tịnh độ.

Luận ghi: “Muốn thông hiểu các giáo cần phải biết đủ ba môn, đó là: Biết danh đề, thấu chỉ quy và rõ phân tề. Trên đã nêu rõ hai môn; theo thứ tự, nay luận đến môn thứ ba.

#### *1. Giải thích về hội xứ:*

Theo thuyết xưa của các sư ở Giang nam giải thích, thì căn cứ theo việc ở trong thất và ngoài thất (phương tượng) mà phân chia kinh làm ba phần: Bốn phẩm đầu, thuyết bên ngoài thất là phần tựa; sáu phẩm giữa thuyết trong thất là phần chánh của kinh; bốn phẩm sau lại trở ra ngoài thất thuyết pháp là phần lưu thông. Vì sao? Vì ngài Tịnh Danh nương thân hiện bệnh ở phương tượng, suy nghĩ chờ đợi việc khích phát; bốn phẩm đầu chỉ nói Như Lai thuyết pháp, thuật về đức và sai người thăm bệnh, là nguyên do của việc thăm bệnh, cho nên gọi là tựa. Sáu phẩm giữa ở bên trong tượng thất mới luận về diệu pháp nên gọi là chánh thuyết. Bốn phẩm cuối, việc lợi lạc chúng sinh đã xong, trở về trụ xứ của Phật, ấn định thành kinh, cho nên gọi là phần lưu thông. Các sư phương Bắc thường truyền nhau rằng: “Kinh này gồm ba hội, đầu tiên từ phẩm Phật Quốc cuối cùng đến phẩm Bồ-tát là Am viên hội; từ phẩm Vấn Tật đến phẩm Hương Tích là phương tượng hội; từ phẩm Bồ-tát hạnh đến hết kinh là Am viên trùng hội.

Nay căn cứ một đoạn văn trên, nêu tổng quát hai cách giải thích: Thuyết phẩm Phương tiện tại nơi nào? Nếu bên ngoài thất, tức trái với văn; nếu thuyết ở trong thất thì lại trái với lời giải thích ở trên. Nếu nói rằng phẩm này là ý của người kết tập kinh, chẳng phải ngài Tịnh Danh tự nói, vậy đã không có thời gian và sự việc, thì chỗ nào mà kết tập kinh? Và lại phẩm Phương tiện là tự nêu ra việc hiện bệnh thuyết pháp,

thì đâu chẳng phải là lời của ngài Tịnh Danh? Trong thất thuyết pháp, gồm có hai thời: Phẩm Phương tiện là mới tập hội, lược nói pháp môn; từ phẩm Vấn Tập về sau là phương tượng trùng hội, tuyên nói diệu Pháp, đâu có thể cho rằng nói đầu tiên là tựa, nói sau là chánh? Nếu cho rằng kinh này chỉ có ba hội, thì cũng chẳng đúng, đã vân tập một lần nữa ở Am viên là hai hội thì cũng phải một lần nữa trở lại phương tượng, thế thì đâu chẳng phải là hai lần tập hội? Nếu lần tập hội đầu tiên ở phương tượng đã lược bỏ chẳng kể một hội, thì Am viên chỉ có một phẩm đâu có thể rộng nhiều như thế? Nếu ở Am viên thuyết về nhân quả của tịnh độ là một lần tập hội, thì ở phương tượng nói nhân quả pháp thân, đâu chẳng phải là hội sao? Nay giải thích rằng kinh Hoa Nghiêm có bảy xứ tám hội, còn kinh này thì hai xứ bốn hội. Hai xứ tức là Am viên và phương tượng. Am viên là chỗ của Phật, phương tượng là chỗ của Bồ-tát; Am viên là nơi xuất gia, phương tượng là chốn tại gia; Am viên là nơi tha nghiệp khởi, phương tượng là nơi tự nghiệp khởi. Nơi tha nghiệp khởi, vườn của cô gái Am-la có xây dựng tịnh xá cho Phật, đó là nói về ngôi thất chưa từng có, do cư sĩ Tịnh Nghiệp xây dựng. Am viên ở ngoại thành, phương tượng ở nội thành. Truyện Hiền công ghi: “Cách nhau ba dặm”. Bốn hội là: Am viên hội, phương tượng hội, Trùng tập Am viên hội và Tái hội phương tượng. Phân kinh như thế này thật là chính đáng.

Hỏi: Hoa Nghiêm chẳng rời tịch diệt đạo tràng mà hiện thân ở bảy nơi. Kinh này có bốn hội, có thể đúng chăng?

Đáp: Hoa Nghiêm nói chẳng rời, kinh này nói rời, rời và chẳng rời đều chẳng thể nghĩ bàn, cho nên Hoa Nghiêm gọi là bất tư nghị Giải thoát và kinh này cũng gọi là Bất Tư Nghị Giải Thoát.

Hỏi: Hoa Nghiêm chẳng rời đạo tràng, hiện thân bảy chỗ là bất tư nghị; kinh này đã có bốn nơi để qua lại, vì sao gọi là không thể suy lường?

Đáp: Bốn hội của kinh này tuy có đến đi nhưng thật không có qua lại, cho nên Văn-thù đi mà chẳng qua, Tịnh Danh đến mà chẳng tới. Đến mà chẳng tới cho nên không có chỗ để đến; đi mà chẳng qua, cho nên thật không có chỗ để đi. Vì thế “Thiện lai Văn-thù” chẳng đến mà cùng đến; đến đã chẳng đến mà cùng đến, thì đi cũng chẳng đi mà cùng đi. Vậy đến đi rõ ràng mà thật không có qua lại. Cho nên gọi là Bất tư nghị.

Hỏi: Kinh này có hai xứ bốn hội, vậy có phần tựa, phần chánh tông và phần lưu thông chăng?

Đáp: Căn cứ theo thể lệ của Hoa Nghiêm thì gồm hai ý sáu việc “như thị...”, có thể hai lần so sánh, đó là dùng đầu tiên, nhiếp đầu tiên thì thuộc hội đầu; theo một bộ kinh thì đó là phần tựa kinh, phần lưu thông cũng như thế. Từ phẩm A-súc Phật, tán thán pháp, khen ngợi người tức dùng sau nhiếp sau thì thuộc về hội sau. Nếu xét theo một đoạn lớn, thì thuộc phần lưu thông.

Hỏi: Sáu việc “như thị...” thì nêu lên thời gian sự việc ở Am viên chỉ thuộc hội đầu, sao lại nói là phần tựa?

Đáp: Sáu việc này tuy nêu thời và xứ ở Am viên mà thành một bộ kinh nhưng thuộc về phần tựa lớn, phần lưu thông cũng như thế.

**- Giải thích riêng về hội xứ:**

Cần phải có năm việc cùng tập hội đầy đủ thì mới gọi là hội, đó là nơi chốn, thời gian, hóa chủ, đồ chúng, thuyết giáo môn. Năm việc này tập đủ, chúng sinh ngộ đạo nên gọi là hội. Như luận Tứ Bách Quán ghi: “Chân pháp và người thuyết, người nghe thật khó đạt đủ, như thế thì sinh tử chẳng phải hữu biên vô biên”. Luận này lược nêu ba loại là chân pháp, người thuyết, người nghe. Đủ ba duyên này, cho nên có chuyển vô tế bất đắc, thiếu một việc thì sinh tử chẳng phải hữu biên. Nay giải thích rõ về năm việc thì có năm bậc, nơi giáo hóa khác nhau trước đã được nói trong nghĩa tịnh độ sẽ bàn rộng hơn.

-Nói về thời gian giáo hóa thì kinh này gồm có hai thời là chung và riêng. Thời gian chung, thuyết xưa ghi rằng: “Tịnh Danh được Đức Phật nói vào năm thứ ba mươi, sau khi ngài thành đạo”. Có thuyết lại ghi vào năm thứ hai mươi sáu. Thời gian riêng, căn cứ theo bốn hội, thì có hai phần, một về trước sau của thời và sự, hai là về thứ tự của việc tập pháp. Về trước sau của thời sự là thứ nhất là hội phương tượng đầu tiên, thứ hai là hội Am viên, thứ ba là hội phương tượng tái tập, thứ tư là Am viên trùng hội.

Hỏi: Vì sao biết được?

Đáp: Năm trăm trưởng giả và ngài Tịnh Danh là bạn lữ ở Pháp thành..., hỏi đạo tham bá, nếu không đến thời thì không tập hội; mà Bảo Tích đã đến nhưng ngài Tịnh Danh gần mà chẳng đến nên biết là có bệnh. Vì ngài có bệnh cho nên những người thân cận trong nước đến thăm hỏi. Ngài nhân nơi thân bệnh, mà lược nói pháp yếu, cho nên vô số trời người đều phát đạo tâm, đó là phẩm Phương Tiện. Vì thế, biết trước có hội đầu Tỳ-da. Nhưng lúc mới tập hội chúng trời người ít, lợi ích chưa nhiều, chưa đủ để hiển hiện thần tuệ, tương xứng với bản hoài hiện bệnh. Nhưng Đức Phật và ngài Tịnh Danh cùng vì lợi lạc chúng

sinh, cho nên hai tâm chiếu soi biết nhau. Cư sĩ thì thác bệnh ở Tỳ-da, Như Lai thì thuyết pháp ở Am viên, vì đó mà tập chúng, khiến người đến thăm bệnh. Hàng Thanh văn và Bồ-tát tự nói mình không kham nhận nổi, mới có hội Am viên. Kế đó sai ngài Văn-thù đến để khích phát mà tuyên thuyết diệu pháp, cho nên mới có phương tượng tái hội. Nhưng khi việc hoằng hóa đã xong lại trở về trụ xứ của Phật, Như Lai tán thán ấn khả, khiến luận về diệu pháp, do đó mà có Am viên trùng hội. Theo thời gian và sự việc mà suy, thì ắt phải như thế.

Về thứ tự tập pháp, phàm muốn kết tập thành kinh, trước ắt phải nói: “Như thị ngã văn nhất thời Phật sở trụ xứ và đại chúng câu”. Nếu phát khởi liền nêu thời gian và sự việc của ngài Tịnh Danh thì chẳng thành kinh. Kinh Thắng Man cũng như thế. Cho nên đầu tiên nói hội Am viên. Am viên đã xong, thì phát khởi việc sai khiến đến thăm bệnh, cho nên kế đó nêu lên hội phương tượng, tán thán đức của ngài Tịnh Danh, đương thời được mọi người thành kính tôn ngưỡng, nêu lên việc Tịnh Danh có bệnh mà phát khởi nguyên do Như Lai thăm hỏi. Cho nên kế đó phẩm phương tiện, thuộc hội Tỳ-da. Hai lần tập hội kia, thì giống với lời giải thích trên.

**- Giải thích về Hóa chủ:**

Kinh này gồm bốn hội, có năm vị tuyên thuyết; hội phương tượng thứ nhất là ngài Tịnh Danh tự thuyết; hội Am viên thứ hai là Như Lai thuyết; Tỳ-da trùng hội thứ ba gồm có bốn người thuyết là ngài Tịnh Danh, Bồ-tát Văn-thù, Thiên nữ và các Bồ-tát; Am viên trùng hội thứ tư thì Đức Phật và ngài Tịnh Danh cùng thuyết.

Hỏi: Năm trăm Thanh văn, tám ngàn Bồ-tát đều là thuật lời của Tịnh Danh, vì sao không gọi là thuyết?

Đáp: Đều là thuật lời của ngài Tịnh Danh nói ngày trước, chẳng phải họ tự thuyết, nếu nói xưa nay thuyết thì hai phẩm kinh luận về lời của ngài Tịnh Danh thuyết khi xưa và mười hai phẩm lại thuật lời của Duy-ma thuyết hôm nay.

Hỏi: Hai phẩm Đệ Tử và Bồ-tát thuộc về hội đầu hay thuộc hội sau, là phần chánh kinh hay là phần tựa?

Đáp: Nêu hai lần xem xét, đã thuật ở Am viên, thì thuộc hội đầu đã là nguyên do của việc thăm bệnh thì sẽ thuộc hội sau. Thuật về lời khi xưa của Tịnh Danh, cho nên thuộc phần chánh kinh vì phát khởi đầu mối của việc thăm bệnh nên cũng được gọi là phần tựa.

Hỏi: Vì sao Đức Phật không trực tiếp sai Văn-thù đến khích phát mà lại bảo Thanh văn và Bồ-tát?

Đáp: Gồm năm nghĩa:

1. Hiện thị tâm đại bi bình đẳng của Như Lai, cho nên sai khiến tất cả.

2. Muốn tán thán đức của ngài Tịnh Danh, khiến đại chúng đương thời tôn trọng pháp kính ngưỡng người.

3. Hiện bày việc Bồ-tát Văn-thù có đạo lực cao sâu, làm cho mọi người phải đi theo.

4. Hiện thị pháp môn Giải thoát bất tư nghị sâu xa, hàng Thanh văn và Bồ-tát không thể suy lường được, mỗi mỗi chỉ thuật lại lời của ngài Tịnh Danh khi xưa để làm duyên lợi ích cho ngày hôm nay.

5. Nêu rõ thứ tự tu hành; đầu tiên phẩm Phương tiện phá phàm phu, sau đó phẩm Đệ Tử phá Thanh văn và cuối cùng phẩm Bồ-tát phá Bồ-tát theo thứ tự từ cạn đến sâu rồi tất cả đồng nhập pháp môn vô ngại, đồng chứng cảnh giới Giải thoát bất tư nghị.

Hỏi: Tịnh Danh và Di-lặc giai vị đều đồng vì sao ngài Di-lặc chịu nhường bước và ngài Tịnh Danh có thể quả trách?

Đáp: Gồm ba nghĩa:

1. Bồ-tát Địa thứ mười, trí tuệ thông đạt tất cả ứng hiện cùng khắp, há có thể cùng chung với trời người chịu khuất dưới ngài Tịnh Danh sao? Chỉ vì cùng nhau độ sinh, duyên thích ứng có đặc thất mà thôi.

2. Tuy đồng là Bồ-tát Địa thứ mười nhưng trong Địa thứ mười lại có ba bậc là nhập trụ mãn, hoặc Di-lặc là Đại sĩ Thập địa, Tịnh Danh là bậc Kim cang tâm.

3. Di-lặc ở giai vị Đẳng giác là Đức Phật đương lai, ngài Tịnh Danh ở vị Diệu giác là Phật đã thành.

Hỏi: Đã có năm hạng người thuyết pháp vì sao chỉ gọi là kinh Tịnh Danh?

Đáp: Những vị khác thuyết ít, ngài Tịnh Danh thì thuyết nhiều dùng ít theo nhiều cho nên gọi là kinh Tịnh Danh. Vả lại Như Lai thuyết pháp ở Am viên vì đó mà tập chúng, sai người đến thăm bệnh, tuyên thuyết pháp môn thì thành Tịnh Danh thuyết. Ở hội đầu tiên hợp toàn bộ cõi nước hiện tại, ấn đất biến thành thanh tịnh, lược mở ra đầu mỗi Bất tư nghị. Am viên trùng hội thì ấn định, tán thán và thuật lại diệu pháp, mới được thành kinh, khiến cho người sau tin nhận. Hội đầu tiên mở tông chỉ của Duy-ma, hội sau cùng Phật ấn chứng lời của Duy-ma tuyên thuyết, trước sau đều thành tựa là kinh Tịnh Danh; vì thế chỉ nói Duy-ma thuyết.

Hỏi: Hội đầu tiên là mở tông chỉ, hội sau cùng là ấn chứng lời nói, vì sao chẳng có phần tựa và lưu thông?

Đáp: Đầu tiên dùng chánh thuyết mở chánh thuyết, cho nên đầu tiên chẳng phải là tựa; hội sau ấn chứng mà khiến người tuyên bày diệu pháp, cho nên chẳng phải là lưu thông. Và lại về nghĩa hai lần so sánh, ý trước đã nêu rõ.

Giải thích về đồ chúng được giáo hóa: Hội phương trượng đầu tiên, chỉ có chúng gần, trụ tại thành Tỳ-da, không có chúng từ phương xa đến; chỉ có người mà chưa có chư Thiên, chỉ có chúng tại gia mà không có chúng xuất gia; chỉ có chúng nghe pháp mà chưa có chúng khích phát, cho nên chỉ lược nói pháp môn, lợi ích còn ít, chưa hợp với bản hoài hiện bệnh của Đại sĩ. Hội Am viên đầu tiên thì đã đủ tất cả chúng Thánh phàm, gần xa, tại gia xuất gia, u hiển, đại tiểu. Hội phương trượng thứ hai và hội Am viên thứ hai, đại chúng đều đồng nhau, cho nên mới diễn bày rộng pháp môn, tạo nhiều lợi ích, thích ứng với ý chỉ hiện bệnh.

Hỏi: Kinh này thuộc về pháp tạng của Bồ-tát, luận biện về pháp môn giải thoát Bất tư nghị, dứt bật cảnh giới của Nhị thừa, vậy lẽ ra chỉ dạy cho hàng Bồ-tát mà thôi, vì sao lại có chúng Thanh văn. Hơn nữa, Thích luận ghi: “Đức Phật thuyết cho các Đại Bồ-tát nghe mười vạn bài kệ kinh Bất Tư Nghị Giải Thoát. Tức là kinh Hoa Nghiêm. Hàng Tiểu thừa ở trong hội tòa Hoa Nghiêm, chẳng thấy chẳng nghe vì không gieo nhân duyên nghe pháp Đại thừa này? Kinh này cũng gọi là Bất tư nghị giải thoát, vì sao hàng Thanh văn lại nghe hiểu được?”

Đáp: Pháp Hoa Huyền Luận đã giải thích về việc này, còn chỗ nào chưa rõ, nay xin nói thêm. Theo ý của Thích luận, thì kinh Hoa Nghiêm là nói cho hàng Đại Bồ-tát, Tiểu thừa chẳng thể nghe; còn kinh Tịnh Danh là thuyết chung cho các căn cơ đại tiểu sâu cạn, cho nên Nhị thừa nghe được; thế thì kinh Hoa Nghiêm luận về Bất tư nghị sự sâu xa, còn kinh Tịnh Danh luận về bất tư nghị sự cạn hẹp. Tuy đồng là bất tư nghị mà có sâu cạn cho nên nghe được và chẳng nghe được. Ví dụ như tuy đồng là Bát-nhã, nhưng lại có lúc thuyết chung cho Tam thừa, và có lúc thuyết riêng cho Đại Bồ-tát, thì hàng Bồ-tát Địa thứ chín còn không thể nghe hiểu huống gì là hàng Nhị thừa.

Hỏi: Luận ghi: “Trong các kinh, Bát-nhã là lớn nhất, vì sao hàng Tam thừa được nghe Bát-nhã, mà chẳng được nghe Hoa Nghiêm?”

Đáp: Bát-nhã tuy lớn, nhưng phần nhiều nói về lý pháp sâu xa của phương tiện thật tuệ, thì hàng Nhị thừa có thể có ít phần, cho nên được

nghe. Hoa Nghiêm phần lớn nói về thật tuệ phương tiện, căn cứ theo sự mà bất tư nghị thì Nhị thừa chẳng có phần nào, cho nên chẳng được nghe. Vả lại nếu xét kỹ hàng Thanh văn, thì có hai: Một là thật hạnh; hai là quyền hạnh; trong hàng thật hạnh lại gồm hai bậc căn cơ, đó là thoái thất Đại thừa mà học Tiểu thừa, và những người vốn đã học Tiểu thừa. Thoái Đại thừa học Tiểu thừa, căn cứ theo đầu cuối của một đời giáo hóa thì gồm có bốn thời, đó là đại cơ chưa thành thực; tiểu căn đã thành; chấp tiểu đang dờ, đại cơ vừa phát động; chấp tiểu đã lìa đại cơ được thành thực. Chỉ có bốn thời này mà thôi. Một là, đại cơ chưa thành thực, tức lúc Phật mới thành đạo, thuyết cho các Đại Bồ-tát nghe kinh Hoa Nghiêm, tức muốn dùng đại pháp giáo hóa, nhưng vì hàng tiểu cơ chưa kham nhận nổi nên Như Lai không thuyết nữa. Như kinh Pháp Hoa ghi: “Trưởng giả ngồi trên tòa sư tử, quyến thuộc vây quanh, của báu bày biện vô số, trưởng giả liền sai gia nhân đuổi bắt gã thanh niên nghèo ấy lại, người thanh niên nghèo kinh sợ, người cha liền buông tha”, đây là chỉ cho sự việc ở thời Hoa Nghiêm, vì đại cơ chưa thuần thực, tuy có dự trong hội nhưng chẳng thể nghe hiểu.

Hai là Tiểu căn đã thành, khi ở đạo tràng đã không kham nhận được đại pháp giáo hóa, nên lúc ở Lộc viên mới chịu nhận tiểu pháp, cho nên mới mật bảo hai người, đến để dụ dẫn được gã thanh niên. Ba là Tiểu chấp đang dờ đổi, đại cơ vừa phát động tức dùng các kinh Phương đẳng như Bát-nhã, Tịnh Danh, chính thức giáo hóa Bồ-tát, thâm chỉ dạy Nhị thừa, đào luyện tiểu tâm của họ, khiến dần dần ham thích Đại thừa. Vì chấp tiểu đang dờ đổi, đại cơ vừa phát động, tại hội tòa Bát-nhã Tịnh Danh, cho nên được thấy nghe, nhưng chưa thể lãnh hội. Bốn là chấp tiểu đã lìa đại cơ đã thành thực, tức là thời Pháp Hoa, khai trừ môn phương tiện, chỉ bày nghĩa chân thật. Vì chấp tiểu đã lìa thì môn phương tiện cũng nên bỏ. đại cơ đã thành, nghĩa chân thật liền hiển; cho nên trên hội tòa Pháp Hoa, cũng được thấy nghe và tin hiểu.

Hỏi: Đại cơ chưa thuần thực, cho nên trên hội Hoa Nghiêm, chưa có chúng Tiểu thừa, vì sao trong hội thứ tám nêu ra năm trăm Thanh văn?

Đáp: Bảy hội trước đều được Đức Phật thuyết ở dưới cây Bồ-đề, khi ngài mới thành đạo, lúc bấy giờ chưa có chúng Tiểu thừa, cho nên không nêu lên. Sau khi thuyết thời sau cùng của hội thứ tám, thì tịnh xá Kỳ hoàn đã được thành lập, lúc bấy giờ đã có Thanh văn, cho nên nêu lên. Người giảng kinh cho rằng bảy xứ tám hội đều được Đức Phật thuyết lúc mới thành đạo, là sai với ý này.



Hỏi: Hoa Nghiêm chỉ thuần là giáo hóa Bồ-tát, chẳng độ Thanh văn, hơn nữa đại cơ chưa thuần thực, vì sao phải nêu ra trên hội tòa?

Đáp: Giáo pháp Hoa Nghiêm là hiển pháp Bồ-tát khác với pháp Nhị thừa, cho nên căn cứ theo, Kỳ hoàn mà chỉ bày hai duyên khác nhau, như Bồ-tát thì thấy thuyết đại pháp trong cõi tịnh, Thanh văn thì tự thấy cõi uế mà nghe nhận pháp Tiểu thừa. Như người thấy là nước, mà nọ quở thấy đó là lửa; chẳng phải muốn giáo hóa Nhị thừa, mà nêu lên ở hội tòa. Vả lại, Nhị thừa thấy cõi uế, Bồ-tát thấy là tịnh, khiến cho Bồ-tát càng khinh chê Tiểu thừa mà tinh tấn tu tập đại hạnh. Đó chính là giáo hóa Bồ-tát.

Hỏi: Vì sao Thanh văn không thể thấy nghe pháp của Bồ-tát?

Đáp: Thích luận ghi: “Như người có năm căn, cho nên có thấy nghe, nếu không có năm căn, thì sẽ không thấy nghe. Vì có năm căn của Bồ-tát cho nên có thể thấy nghe cảnh giới Bồ-tát; Nhị thừa không có năm căn Bồ-tát, cho nên không thấy nghe cảnh giới của Bồ-tát.”

Hỏi: Nếu thế vì sao phẩm Nhập Pháp Giới lại nói Thân Tử và sáu ngàn quyến thuộc được thấy Bồ-tát Văn-thù?

Đáp: Căn cứ theo sự, thì nhờ Phật lực mà thấy được, tự lực thì chẳng thấy. Vả lại trước nói vì đầu tiên mê cho nên chẳng thấy, sau nêu cuối cùng ngộ cho nên được thấy. Như việc Cùng tử trong kinh Pháp Hoa, gồm có ba thời kỳ, đầu tiên từ xa thấy cha, kế đó lại lánh xa cha, sau cùng trở lại nhà của cha. Đầu tiên biểu thị cho việc sẽ ngộ được Nhất thừa, kế đó biểu thị việc lánh đại giữ tiểu, cuối cùng là hiển thị việc ngộ Nhất thừa, đồng nhập pháp giới.

Hỏi: Bấy xứ tám hội, vì sao căn cứ theo phẩm Pháp Giới mà luận biện Nhị thừa đầu tiên chẳng thấy nghe, cuối cùng lại được thấy nghe?

Đáp: Theo sự việc mà luận thì bảy hội được tuyên thuyết lúc mới thành đạo, hàng Nhị thừa chưa thuần thực đại cơ, cho nên không có Thanh văn, từ phẩm Pháp Giới là thuyết vào thời sau cùng, thì chấp Tiểu dần dần chuyển biến, đại cơ dần dần phát động, cho nên ở trong hội tòa được thấy nghe. Vả lại, nêu hàng Nhị thừa xuất pháp giới, để hiển thị Bồ-tát nhập pháp giới; lại muốn nói pháp giới chẳng đại chẳng tiểu, mà gồm đủ đại tiểu, chẳng phải thấy nghe và chẳng thấy nghe, mà có đủ thấy nghe và chẳng thấy nghe.

Hỏi: Hai bộ kinh là Bát-nhã và Tịnh Danh đồng thuộc về thời tiểu chấp đang biến đổi, đại cơ vừa phát động, đồng hiển lộ dạy Bồ-tát và thâm giáo hóa Nhị thừa, vậy có gì sai khác?

Đáp: Nơi Bát-nhã thì Phật dạy Bồ-tát công khai và thâm giáo hóa



Nhị thừa, còn nơi kinh Tịnh Danh thì Bồ-tát thực hiện công việc này. Việc dạy đại độ tiểu, không ngoài do Phật và Bồ-tát. Vả lại ở Bát-nhã thì Phật sai hàng Tiểu thừa nói pháp Đại thừa, công khai dạy dỗ Bồ-tát, ngấm hóa độ Nhị thừa. Nơi kinh Tịnh Danh thì hàng Đại thừa thuyết pháp Đại thừa, công khai dạy dỗ Bồ-tát và ngấm hóa độ Nhị thừa, vì thế nên có khác nhau. Trên là căn cứ theo hạnh thật của Thanh văn để giải thích. Sau đây là căn cứ theo hạnh nguyện của Thanh văn để giải thích. Trong là mật hạnh Bồ-tát, ngoài là hiện tướng Thanh văn, gồm hai nghĩa là tán dương đạo Đại thừa, khiến cho người không thoái tâm cầu Nhị thừa; và dẫn dắt những người tu Tiểu thừa. Hoa Nghiêm vốn là pháp dạy dỗ Bồ-tát, hàng Nhị thừa hiện tại hội tòa như mù như điếc; nên đã đầy đủ hai ý trên, một là muốn hiển bày đạo Bồ-tát cao sâu, hạnh Nhị thừa kém nhỏ, để khiến cho hàng Bồ-tát cầu đạo lớn chẳng thoái tâm mà học Tiểu thừa; hai là làm cho hàng Nhị thừa tự khinh chê pháp Tiểu thừa kém nhỏ mà xả bỏ, để cầu đại đạo. Cho nên Thân Tử và sáu ngàn quyến thuộc, nhờ thần lực của Phật mà được thấy ngài Văn-thù, tham học đại pháp, chính là ý này. Sau đó đến hội tòa Bát-nhã, Tịnh Danh, thì tự mình chê bai bác bỏ Tiểu thừa, tán dương Đại thừa, khiến cho Bồ-tát chẳng thoái đại tâm mà cầu tiểu, còn hàng Tiểu thừa thì xả bỏ tiểu pháp mà cầu đại pháp. Trước kia thì đồng mê như chúng sinh, đến thời Pháp Hoa thì các căn cơ cùng ngộ, đó là phương tiện lợi sinh của bậc Đại sĩ.

Hỏi: Bất tư nghị giải thoát tức nhị trí, nhị trí còn ở thời Bát-nhã, vì sao hàng Nhị thừa nghe bất tư nghị giải thoát, thì cũng như nói màu sắc hình tướng trước người mù, còn nghe Bát-nhã thì lãnh ngộ được.

Đáp: Đại Phẩm nói về thật tuệ, thì Nhị thừa biết được ít phần nhưng phương tiện thì tuyệt không biết phần nào. Kinh này nói về hai trí cũng như thế. Nhưng Đại Phẩm thì phần nhiều nói về thật tuệ, ít hiển bày thần thông. Kinh này thì phần nhiều hiển bày thần thông mà ít nói đến thật tuệ. Cho nên hai kinh này, có mê có hiểu.

Luận về chúng Thanh văn đã xong. Bây giờ là luận về chúng Bồ-tát:

Hỏi: Kinh Hoa Nghiêm đã nói đại pháp giáo hóa Bồ-tát rồi, vậy kinh này hóa độ ai?

Đáp: Về căn cơ của hàng Bồ-tát đã thuần thực có trước và sau; Hoa Nghiêm là thuyết cho hàng Bồ-tát đã thuần thực trước, Tịnh Danh Bát-nhã là độ hàng Bồ-tát thuần thực sau. Lại Thích luận ghi: “Hoa Nghiêm có Bồ-tát trí tuệ tuyên thuyết, thì biết Bát-nhã và Tịnh Danh

là giáo hóa chung cho đại, tiểu thừa”. Và lại, trên hội tòa Hoa Nghiêm, tuy đã hiểu, nhưng chưa liễu ngộ, đến hội Bát-nhã, Tịnh Danh mới được đạt ngộ. Căn cứ theo Bồ-tát và Thanh văn mà lập hai loại bốn câu:

1. Công khai dạy Bồ-tát, chẳng ngầm độ Nhị thừa, tức là giáo Hoa Nghiêm. Lúc Đức Phật mới thành đạo, đại cơ đã thuần thực, cho nên công khai dạy dỗ trong hội không có chúng Nhị thừa, và lại đại cơ chưa thành, cho nên không ngầm độ Nhị thừa.

2. Công khai dạy Nhị thừa, không ngầm dạy Bồ-tát, tức là giáo Tam thừa, vì tiểu cơ đã thành cho nên công khai dạy dỗ, còn hàng Bồ-tát có căn khí lớn không cần đến tiểu hóa.

3. Công khai dạy Bồ-tát, ngầm độ Nhị thừa, tức là các kinh Bát-nhã, Tịnh Danh... hàng Bồ-tát đại cơ đã thành, cho nên công khai dạy dỗ hàng Nhị thừa, chấp tiểu đã biến chuyển, đại cơ vừa phát động, cho nên ngầm hóa độ họ “khiến thuyết pháp, trao phó gia tài”, tức là ý này.

4. Công khai dạy dỗ Bồ-tát, và Nhị thừa, tức giáo Pháp Hoa. Bồ-tát nghe pháp này lười nghi dứt trừ, đó là công khai dạy dỗ Bồ-tát; một ngàn hai trăm vị A-la-hán được thọ ký tương lai thành Phật, là công khai hóa độ Nhị thừa.

Căn cứ theo khai (mở) phú (che) luận bốn câu:

1. Chánh hiển chân thật, phụ khai phương tiện tức là thời hoa Nghiêm thuyết cho các Bồ-tát nghe đại pháp môn, đây là chánh hiển chân thật, lại cũng khiến cho các Bồ-tát hiểu thêm về giáo Tiểu thừa, tức là phụ khai phương tiện. Phẩm Hiền Thủ ghi: “Hoặc chỉ bày môn Tiểu thừa Thanh văn, hoặc nêu môn Trung thừa Duyên giác, hoặc thuyết Đại thừa vô thượng”. Phẩm tánh khởi lại giảng thuyết rộng về việc trước giáo hóa Bồ-tát, sau thì dạy Nhị thừa, giống như khi mặt trời mới mọc, trước chiếu trên núi cao, sau đó dần dần chiếu xuống bình nguyên; đó đều là phụ khai Tiểu thừa phương tiện.

2. Chánh ẩn chân thật, chánh đóng phương tiện, tức giáo môn Lộc uyển, thuyết giáo Tam thừa, cho nên ẩn Nhất thừa chân thật; hai và chẳng hai là phương tiện, cho nên đóng cửa phương tiện.

3. Chánh hiển chân thật, phụ đóng phương tiện. Giáo Bát-nhã, Tịnh Danh nói về hạnh Bồ-tát, tức là chánh hiển chân thật, chưa nói Tam thừa là phương tiện, tức là phụ đóng của phương tiện.

Bốn câu khai và phú, có thể xem là câu thứ tư.

Hỏi: Đã chưa khai trừ môn phương tiện, làm sao hiển được chân thật?

Đáp: Hiển chân thật, có hai nghĩa:

1. Đối việc khai trừ Tam thừa phương tiện mà hiển Nhất thừa là chân thật.

2. Dùng đại tiểu đối đãi hiển chân thật. Đại thừa là cứu cánh chân thật, Tiểu thừa là ít phần chân thật, đối với ít phần chân thật mà nói cứu cánh chân thật.

Hỏi: Văn nào chứng minh thời Bát-nhã chưa khai phương tiện, mà đã hiển chân thật?

Đáp: Phẩm Tín Giải, kinh Pháp Hoa ghi: “Tất cả những bí tạng của chư Phật, chỉ vì các Bồ-tát mà diễn thuyết chân thật ấy, chứ chẳng phải vì chúng con mà thuyết bí yếu này”. Đó là chỉ cho việc ở thời Bát-nhã.

Hỏi: Nếu thế, trong Tam tạng giáo cũng đối với hàng Nhị thừa trung hạ mà tán thán Phật là tối thượng, vì sao không gọi là hiển chân thật?

Đáp: Trong giáo Tam tạng, bàn luận nhiều về pháp Nhị thừa mà ít nói về pháp Bồ-tát, vì ít phải tùy theo nhiều, cho nên không gọi là hiển nghĩa chân thật. Trong giáo tam tạng, tuy có luận đến Phật thừa, nhưng còn ẩn kín, như nói thật sinh ở vương cung, từ phàm phu mà thành Phật. Từ thời Bát-nhã trở về sau, chính thức tuyên thuyết đại pháp, phụ nói đến Tiểu thừa, vả lại nói về Phật thừa đã đầy đủ, cho nên chánh hiển chân thật, phụ đóng phương tiện.

Hỏi: Nghĩa chân thật luận trong Đại phẩm và nghĩa Nhất thừa chân thật luận trong Pháp Hoa có gì khác biệt?

Đáp: Thuyết xưa cho rằng Đại thừa kém Nhất thừa thù thắng. Ở đây chẳng cho như thế, Đại Phẩm đối tiểu mà nói đại, Pháp Hoa trừ bỏ tiểu mà nói đại, đại chẳng có hai. Như trưởng giả giao phó tài sản và ủy thác gia nghiệp, hai thời gian khác nhau nhưng nhà lửa, bảy báu lại chỉ là một. Nhị thừa chưa thành Phật. Trong Đại Phẩm thì Bồ-tát thành Phật. Trong Pháp Hoa, thì Bồ-tát và Nhị thừa đều được thành Phật, nhưng Phật thừa thì chẳng hai.

Hỏi: Nếu thế, vì sao luận Nhiếp Đại Thừa ghi: “Thừa có ba, đó là: Tiểu thừa, Đại thừa và Nhất thừa, Nhất thừa là thù thắng nhất?”

Đáp: Pháp Hoa chính thức nói về người năng thừa, tất cả đều được làm Phật, cho nên là tối thắng, mà chẳng nói pháp sở thừa có hơn kém.

**- Giải thích về giáo môn:**

Trên đã lược nói về giáo, nhưng chỉ hiển được nghĩa duyên cho

nên nay cần phải luận rõ. Các nhà Nam Bắc phán kinh, thường lập thuyết bốn tông năm thời. Pháp Hoa Huyền Luận đã nói rõ, ở đây căn cứ theo phẩm Pháp Cúng Dưỡng trong kinh này để nói về nghĩa hai tạng rằng: Thuộc về pháp tạng của Bồ-tát, Đà-la-ni ấn định. Thế thì biết Tiểu thừa thuộc về Thanh văn tạng. Nay trước nói chung về hai tạng giáo, kể đó phân biệt bốn hội thuyết pháp.

\* **Nghĩa hai tạng:** Gồm ba đời: Thanh văn tạng, Bồ-tát tạng, đây là căn cứ theo người mà lập tên. Đại thừa tạng. Tiểu thừa tạng, đây là căn cứ theo pháp lập tên. Bán tự và mãn tự, đây là căn cứ theo nghĩa mà lập tên. Ba đời này chỉ một nghĩa, mà không nên cho rằng bán mãn chỉ là hai tạng trước thời Niết-bàn thông từ đầu đến cuối, cho nên Đại kinh ghi: “Ta thuyết chữ bán cho hàng Thanh văn, là Thanh văn tạng”.

Hỏi: Nói pháp môn gì mà gọi là Thanh văn tạng?

Đáp: Thuyết pháp Nhị thừa, thì đều gọi là Thanh văn tạng.

Hỏi: Đã thuyết pháp Nhị thừa, thì phải gọi là Nhị thừa tạng, vì sao gọi là Thanh văn tạng?

Đáp: Vì ý nghĩa lập hai tạng chỉ là dùng đại tiểu đối đãi, dùng nghĩa tiểu làm Thanh văn tạng, dùng nghĩa đại làm Bồ-tát tạng, Duyên giác cũng là Tiểu thừa, cho nên gọi là Thanh văn tạng. Vả lại theo số nhiều mà luận, thì nhân quả hai thời gian của Thanh văn đều thừa thọ từ giáo Thanh văn, còn Duyên giác thì người nhân là nhờ vào giáo, người quả thì tự nhiên ngộ đạo; vì thế chỉ gọi là Thanh văn tạng mà không gọi là Duyên giác tạng. Luận Địa Trì ghi: “nói pháp Thanh văn Duyên giác, gọi là Thanh văn tạng”.

Hỏi: Thanh văn tạng, không chỉ nói pháp Nhị thừa, mà còn nói pháp Bồ-tát, vì sao lại thuộc Thanh văn tạng?

Đáp: Nơi pháp Tiểu thừa mà thuyết về Bồ-tát thì thuộc Thanh văn tạng, nếu từ Đại thừa mà thuyết pháp Bồ-tát, thì thuộc Bồ-tát tạng. Trong pháp Tiểu thừa, nói Bồ-tát từ phạm tu tập thành bậc Thánh, giáo chưa tròn, lý chưa đủ, cho nên gọi là Thanh văn tạng. Trong pháp Đại thừa nói về giáo Bồ-tát đã tròn, lý đã đủ, nên gọi là Bồ-tát tạng. Hơn nữa trong pháp Tiểu thừa, phần nhiều nói về pháp Nhị thừa, ít nói đến pháp Bồ-tát. Như Thích luận ghi: “Trong giáo tam tạng nói rộng về các pháp cho hàng Thanh văn, mà không bàn đến hạnh Bồ-tát, chỉ thấy trong kinh bản mặt của Trung A-hàm nói về việc thọ kí cho ngài Di-lặc, nhưng cũng chẳng nói đến hạnh Bồ-tát”. Vì thế biết nói về pháp Bồ-tát rất ít. Vì ít phải tùy theo nhiều, nên gọi là Thanh văn tạng, chẳng gọi là Bồ-tát tạng.

Hỏi: Vì hàng Tiểu thừa, thì chỉ nên nói pháp Nhị thừa, đâu cần phải nói pháp Bồ-tát?

Đáp: Phật mở giáo Tam thừa cho hàng Nhị thừa, như kinh Pháp Hoa ghi: “Nhất thừa không thể giáo hóa hàng Nhị thừa được, cho nên nơi nhất Phật thừa phân chia nói thành ba”. Vì thế nơi pháp Tiểu thừa, có luận đến Tam thừa.

Hỏi: Đã thuyết giáo Tam thừa vì hàng Nhị thừa, vì sao không nói đến Bồ-tát hạnh.

Đáp: Vì hàng Nhị thừa không muốn hành đạo Bồ-tát, không cần nói hạnh, chỉ biết đạo lý có ba là rốt ráo, cho nên lược nói đến Phật thừa mà thôi.

Hỏi: Đã chẳng nói đến nhân Bồ-tát, thì đâu cần phải thọ kí cho ngài Di-lặc, mà luận đến việc được Phật quả?

Đáp: Thanh văn ắt phải nhờ thầy mới ngộ đạo, nên phải nói có ba đời chư Phật, cho nên thọ kí cho ngài Di-lặc.

Hỏi: Thanh văn Duyên giác có mấy hạng căn cơ?

Đáp: Tất cả gồm sáu hạng căn cơ:

1. Bản thừa là Thanh văn, đầu tiên phát tâm Thanh văn sau cùng chứng quả Thanh văn.

2. Chẳng phải bản thừa là Thanh văn, có hai vốn là Duyên giác phát tâm Duyên giác, hành hạnh Duyên giác, sau đó gặp Phật được giáo hóa đắc đạo, chuyển tên là Thanh văn, như ngài Ca-diếp...

3. Vốn là Bồ-tát thoái tâm, tu Thanh văn, như Thân Tử... Duyên giác cũng có ba: Một là, bản thừa là Duyên giác, nhân thì chưa thọ nơi giáo, quả thì tự nhiên ngộ; hai là chẳng phải bản thừa là Duyên giác có hai: Một là, vốn là Thanh văn, gặp Phật xuất thế, mà trở thành Duyên giác; hai là, vốn là Bồ-tát, gặp Phật xuất thế, thoái tâm tu Tiểu thừa cũng gọi là Duyên giác. Cho nên Thích Luận ghi: “Bồ-tát chứng bốn đế thành Bích-chi-phật”. Về Bồ-tát tạng cũng có ba hạng căn cơ đó là Trực vãng Bồ-tát, tức là phát tâm Bồ-đề, hành hạnh Bồ-tát; hai, bỏ tiểu về đại (hồi tiểu hướng đại), gồm hai là: Vốn là Thanh văn, chuyển tiểu thành Đại, cho nên gọi là Bồ-tát; và vốn là Duyên giác, ý nghĩa cũng như thế. Nhưng hai hạng căn cơ này cũng có hai: Vốn là Nhị thừa, chuyển Tiểu thành đại, như đã giải thích; và vốn là Bồ-tát thoái tâm Đại thừa, tu Tiểu thừa, sau lại bỏ Tiểu thừa cầu Đại thừa, như Thân Tử... Trong hàng Thanh văn cũng có người này, vốn là Tiểu thừa, bỏ tiểu cầu đại, sau lại thoái tâm Đại thừa mà giữ lấy Tiểu thừa.

Hỏi: Có hạng người vốn là Tiểu thừa, xả tiểu cầu đại, lại bỏ đại

câu tiểu, sau cùng lại bỏ tiểu câu đại chẳng?

Đáp: Thân Tử tức thuộc hạng căn cơ này. Tuy nói vốn là Tiểu thừa mà đã được Noãn, Đảnh, sau đó mới bỏ Tiểu thừa cầu Đại thừa, sáu mươi kiếp tu Bồ-tát đạo, sau gặp việc xin mắt mới bỏ Đại thừa cầu Tiểu thừa. Nay lại nghe Pháp Hoa lại bỏ tiểu cầu Đại. Trong pháp Thanh văn cũng có hạng Thanh văn này.

Hỏi: Vì sao chẳng lập Phật tạng?

Đáp: Có hai nghĩa:

1. Lập Bồ-tát tạng, Đại tiểu đối đãi. Trong Bồ-tát tạng, có pháp Phật tức Phật tạng.

2. Nêu lên giáo pháp mà Bồ-tát phải thọ nhận, cho nên chỉ lập Bồ-tát tạng. Trong Thanh văn tạng, cũng có Duyên giác, vì nêu giáo pháp mà Thanh văn phải thọ nhận, cho nên chỉ gọi là Thanh văn tạng.

Hỏi: Nếu thế, Bồ-tát còn tiến trên con đường tu đạo, thì có thể lập thừa được; còn Phật đã không còn tiến nữa, vì sao lại lập Phật thừa?

Đáp: Căn cứ theo giáo pháp thọ nhận mà lập tên, cho nên chỉ căn cứ theo hai hạng căn cơ luận ba phẩm hơn kém, vì thế nên lập ba thừa.

Hỏi Thông giáo là Thanh văn tạng, có sâu cạn chẳng, Bồ-tát cũng như thế chẳng?

Đáp: Chiếu theo lý thì cũng có sâu cạn. Như Đại phẩm ghi: “Vì hàng Bồ-tát sơ phát tâm mà nói sinh diệt như huyền hóa, chẳng sinh diệt chẳng như huyền hóa. Vì hàng người tu học đã lâu mà nói tất cả như huyền hóa”. Như thế thì biết có sâu cạn. Thanh văn tạng cũng như thế, chỉ thuyết “sinh không” là cạn, thuyết “nhị không” thì sâu.

Hỏi: Nếu thế, thì hai tạng đều có sâu cạn, đều có liễu nghĩa và bất liễu nghĩa, vì sao xưa Tiểu thừa chẳng liễu mà Đại thừa lại liễu?

Đáp: Đại tiểu đối đãi, cho tiểu là bất liễu, cho đại là liễu.

Hỏi: Vì hạng mới học (sơ phát tâm) thuyết sinh diệt như hóa là chẳng liễu (bất liễu nghĩa), thì trong một bộ kinh, nói về pháp Bồ-tát có bất liễu nghĩa, vì sao lại nói là đều liễu?

Đáp: Trong một bộ kinh có phân biệt liễu và bất liễu, tức là kinh liễu nghĩa.

Hỏi: Đại kinh ghi: “Hữu sở đắc gọi là Nhị thừa, vô sở đắc gọi là Bồ-tát”, nếu thế thì hàng Đại thừa hữu sở đắc cũng thuộc Thanh văn tạng sao?

Đáp: Cũng là đắc, đại tiểu hữu sở đắc như thế thì đều là Đại thừa tạng. Hữu sở đắc và vô sở đắc, căn cứ vào giáo pháp thọ nhận mà có đắc thất (được mất). Nay lập hai tạng, chính do Phật thuyết giáo pháp

vô sở đắc là thuyết Đại thừa, thuyết giáo pháp hữu sở đắc là thuyết Tiểu thừa.

Hỏi: Hai tạng đại tiểu, luận về nghĩa đã đầy đủ, vì sao lại lập tạp tạng?

Đáp: Kinh luận chẳng đồng nhau, hoặc cho Tiểu thừa là Tam tạng giáo, Đại thừa là tạp tạng. Tiểu thừa nói ba hạnh, ba bộ khác nhau, cho nên gọi là tam tạng. Đại thừa không phân biệt, cho ba hạnh là ba bộ, nên gọi là tạp tạng. Bài tựa Tạp A-hàm ghi: “Đại thừa Phương đẳng là tạp tạng.” Hoặc cho rằng có năm tạng là ba tạng, tạp tạng và Bồ-tát tạng. Thích luận ghi: “Ngoài ba tạng Ma-ha-diễn lại có kinh, thì đó là tạp tạng”. Nếu thế, nói riêng ba hạnh là ba tạng, nói xen lẫn thì ba hạnh là tạp tạng. Tạp tạng thuộc về nghĩa Tiểu thừa. Có người cho rằng cũng có Đại thừa tạp tạng, vì Đại thừa cũng có ba hạnh là ba tạng; như luận Nhiếp Đại thừa nói ở đầu, thì biết nói xen lẫn ba hạnh là tạp tạng của Đại thừa, như trong phần tập pháp tạng của Thích luận đã nói rõ.

Luận về pháp môn được nói trong bốn hội:

Hỏi: Kinh này tuy thuộc về Bồ-tát tạng, nhưng Pháp tạng Bồ-tát có vô lượng pháp môn, vậy trong bốn hội, chánh thức nói pháp gì?

Đáp: Bấy giờ, trước nêu lên tướng của pháp môn, sau luận về bốn hội nói pháp gì.

Phán định tổng quát về pháp môn, có thể phân làm ba loại: Giáo năng biểu, lý sở liễu và nhờ giáo ngộ lý, nhân quả hạnh thành tựu. Ba loại này gồm thâu ba hạnh tạng, thì nghĩa không đâu không cùng tận. Không chỉ kinh Đại thừa mới luận đến ba loại này, mà luận Đại thừa cũng có nói đến. Như luận Trung Quán nói ba chữ tức ba nghĩa. Pháp sư Tăng Duệ nói trong bài tựa rằng: “Cái thật ấy đã nêu, lời ấy đã rõ, đối với hạnh của Bồ-tát, chiếu soi của đạo tràng, không đâu cũng chẳng sáng tỏ thấu suốt.” Cái thật ấy nêu là trung thật, tức lý trung thật; lời ấy đã rõ, là giáo môn hiển bày tức là luận; Hạnh của Bồ-tát, chiếu soi của Đạo tràng là nhân quả hạnh thành tựu, tức là quán. Luận Nhiếp Đại thừa nêu lên lý tướng có mười, mà cũng chỉ nói về ba là: vô đẳng cảnh, vô đẳng hạnh và vô đẳng quả. Ba pháp này chỉ thuộc về hai môn. Rõ được hai môn này, thì luận đến giáo cũng có đủ hai môn. Vì thế cho nên biết pháp tạng của Bồ-tát, chỉ nói về ba pháp. Nay bốn hội cũng chỉ luận đến ba pháp, là bất tư nghị cảnh, bất tư nghị trí, bất tư nghị giáo. Tổng quát tuy có ba, nhưng nếu phân biệt thì tùy nghĩa sẽ thành mười. Trước tiên nêu một môn, kế đó là giải thích. Hội tuy có bốn, nhưng đồng nói về một pháp môn giải thoát bất tư nghị. Một môn này gồm



thâu tất cả môn. Như trong kinh Hoa Nghiêm, các Thiện tri thức, mỗi vị đều nói một môn, mà thật ra lại bao gồm tất cả môn. Ngài Tịnh Danh tức là một vị Thiện tri thức nói pháp môn bất tư nghị Giải thoát.

Hỏi: Bốn hội đồng nói về bất tư nghị, có gì sai khác chăng? Ngài Tăng Triệu nói: “Văn tuy khác nhau, mà bất tư nghị thì chỉ là một; nhưng gá thân khác nhau, cho nên gia môn cũng khác”. Nếu căn cứ theo người, thì hội đầu tiên Đức Phật thuyết bất tư nghị, hai hội kế tiếp ngài Tịnh Danh thuyết Bất tư nghị, hội Am viên cuối cùng, thì Đức Phật và ngài Tịnh Danh cùng thuyết Bất tư nghị. Đầu tiên đức Phật khai tông, kế đó Tịnh Danh nói rộng về yếu chỉ, cuối cùng thì Như Lai ấn chứng và khiến tuyên thuyết lại diệu pháp. Nếu căn cứ theo pháp khác nhau, thì hội đầu tiên nêu Bất tư nghị, tất cả cõi nước hiện trong một bảo cái hợp nhất, bảo cái tuy chẳng rộng mà lại che phủ tám phương, các quốc độ tuy chẳng hẹp mà lại hiện tất cả trong đó, giống như gương nhỏ mà ảnh hiện cả thiên hạ, kế đó Như Lai ấn chân trên mặt đất, khiến cả cõi nước đều thanh tịnh. Ứng độ thì có các duyên thô diệu thích hợp, báo độ thì tùy nghiệp chiêu cảm, đều là bất tư nghị. Hai việc trên là luận về Bất tư nghị tích. Trong đó, hạnh nguyện tịnh độ là Bất tư nghị bản. Hội thứ hai nói về hai loại Bất tư nghị; Một, luận chung tất cả phương tiện, hiện tất cả hình, thuyết tất cả giáo, hàng Nhị thừa hạ vị không thể lường được, đây là thần thông Bất tư nghị; hai, luận riêng về phương tiện hiện bệnh: Nói về sinh tử khổ lụy, tán thán công đức của pháp thân. Vì nêu riêng về một thân, nói riêng về một giáo, cho nên gọi là biệt bất tư nghị. Hội thứ ba cũng luận về hai loại Bất tư nghị; Một, nói về hai trí quyền thật, sáu độ, bốn đẳng, pháp môn Bất nhị, đó là bản bất tư nghị; còn việc mượn tòa, xin cơm là tích bất tư nghị. Pháp môn Bất nhị, lấy lý làm bản (gốc); hai trí quyền thật, sáu độ, bốn đẳng thì lấy hạnh làm gốc. Trong tích cũng nói đến hai tích. Trượng thất dung chứa tòa là lớn nhập vào nhỏ, xin cơm ở nước Hương tích là dùng nhỏ dung chứa lớn. Và lại mượn tòa thì thâm cảm ứng, xin cơm thì hiện hóa sai khiến, đều là Bất tư nghị. Tay nâng đại chúng, tay dõng cõi Diệu hỷ, là bất tư nghị tích, trong đó luận về Bồ-tát hạnh thì hai thân bản tích là bất tư nghị bản. Hợp ý trước thì có ba câu, mượn tòa là lớn nhập vào nhỏ, xin cơm là nhỏ dung chứa lớn, tay dõng cõi Diệu hỷ đưa đến cõi Ta-bà là lớn nhập vào nhỏ còn dùng nhỏ nhập vào nhỏ thì không luận đủ, cho nên thiếu một câu này.

- Luận về bốn hội đồng nói một pháp hiện bệnh, cũng gồm thâu tất cả môn.

Bệnh có hai loại:

1. Chúng sinh do si ái, là gốc của bệnh.

2. Bồ-tát do đại Bi là nguồn của bệnh, đó là gồm thân năng hóa và sở hóa, sự không đâu không cùng tận.

Hỏi: Hai hội ở phương tượng, có thể là nói về hiện bệnh, nhưng hai hội ở Am viên vì sao cũng nói về bệnh?

Đáp: Hội đầu tiên là khai phát tông, hội sau là thành tựu sự tuyên thuyết, đều thuộc về pháp môn hiện bệnh. Hơn nữa bốn hội tuy khác, nhưng cùng do lòng đại Bi phát khởi, cùng nhờ gốc bệnh si ái, cho nên đều thuộc môn này.

Hỏi: Vì sao ngài Tịnh Danh lại hiện bệnh?

Đáp: Có rất nhiều môn giải thích. Căn cứ theo ý phẩm Phương Tiện, thì phàm muốn chúng sinh ngộ được vô thường, thì nên nhờ vào ba điều suy là lão, bệnh và chết. Già thì khi thời đến không thể cải chuyển được; chết thì ý diệt, không có cách gì để khai ngộ cho người; bệnh thì có thể cải chuyển thêm vào đó ý chẳng diệt. Cho nên trong ba điều này, thì hiện thân bệnh, nhân đó mà tuyên thuyết pháp môn. Vả lại ngài Tịnh Danh sắp về thế giới Diệu hỷ, nên gá thân hiện bệnh ở Tỳ-da, nhân đây mà tuyên thuyết pháp môn, đó là việc lợi ích chúng sinh sau cùng của ngài. Lại si ái là gốc của sinh tử, đại Bi là gốc của chư Thánh, nay muốn nói đến pháp môn căn bản, cho nên hiện bệnh vậy. Ngài Tịnh Danh là một bậc Bồ-tát, mà thân còn chưa tránh khỏi bệnh tật, huống gì Nhị thừa và phàm phu có thể tránh được chăng? Muốn lìa đại hoạn phải cần chứng Phật thân, vì muốn nói pháp này, cho nên phải hiện bệnh.

Bốn hội đồng nói về pháp môn nhị trí: Luận về thân đại hoạn, tâm khổ lụy của phàm phu, Nhị thừa mà tán thán pháp thân vô vi, trí tuệ vô ngại của chư Phật, Bồ-tát, chẳng động mà ứng hiện khắp mười phương, vô tâm mà chiếu cùng pháp giới. Thân tuy hiện bệnh mà suốt ngày trong ba cõi, trí tuy ngoài sự nhưng chưa từng vô sự. Vì thế bốn hội đều luận về pháp môn này.

Bốn hội cùng luận pháp nhân quả; bảy xứ của Hoa Nghiêm chưa lìa nhân quả. Bốn hội của kinh này nghĩa cũng y nhiên. Nhưng nhân quả có hai, đó là y báo nhân quả, tức cõi nước tịnh, uế; chánh báo nhân quả tức hai thân bản, tích. Toàn bộ kinh từ đầu đến cuối đều có nói về hai pháp này. Hội Am viên thứ nhất nói về nhân quả tịnh độ; Lục độ. Bốn đấng là nhân tịnh độ; báo độ, ứng độ là quả tịnh độ. Hội phương tượng thứ nhất nói về nhân quả pháp thân; Phật thân là pháp thân, nói

quả pháp thân từ vô lượng công đức sinh ra. Tức là người và pháp thân. Pháp môn của hai hội này, nghĩa phát khởi theo thứ tự, đầu tiên phải có cõi nước, sau đó mới có thân Phật. Vả lại trước nói nhân quả tịnh độ, khuyên người bỏ uế giữ tịnh, kể đó luận nhân quả pháp thân, tức chán ghét sinh tử khổ lụy, vui thích cầu thân Phật, ý nghĩa rất ráo không ngoài hai việc này. Hội kế tiếp nói lại ba loại nhân quả; đầu tiên từ phẩm Đệ Tử đến phẩm Pháp môn Bất nhị, là phá hai mê chấp đại tiểu, mà nói về diệu hạnh Bồ-tát, tức là người và pháp thân. Tu hành người và pháp thân, tức được quả pháp thân. Từ phẩm Hương Tích về sau, là nói về nước Chúng hương, tức luận quả tịnh độ. Hành theo tám pháp là nhân tịnh độ. Am viên trùng hội, thì luận chung hai loại nhân quả. Hành Bồ-tát gồm thâu tất cả hạnh, tức người và pháp thân. Phẩm A-súc Phật nói về thể pháp thân bất một trăm điều chẳng phải (bách phi). Hình đầy đủ vạn đức, nghĩa là quả pháp thân hiện ở cõi Diệu hỷ, tức quả tịnh độ. Do đó mà biết bốn hội cùng nói về pháp môn nhân quả.

Hỏi: Bốn hội cùng nói về nhân quả tịnh độ, có gì khác nhau chăng?

Đáp: Hóa chủ khác nhau; hội đầu tiên đức Phật thuyết tịnh độ, kể đến ngài Duy-ma nói tịnh độ; hội sau thì Phật và Bồ-tát cùng luận về tịnh độ. Bởi do sự lãnh ngộ khác nhau, cho nên Hóa chủ cũng khác. Ba chúng khác nhau; đầu tiên là chúng của hội thứ nhất, cho đến lúc luận thuyết sau là duyên tập chúng của hội sau. Vừa nghe thì cho ba chúng khác nhau, nhưng nghe lại thì ba hạng căn cơ chẳng giống. Nghĩa khác nhau gồm bảy môn:

1. Am viên thì nói về quốc độ của Đức Phật Thích-ca; phương trượng thì luận quốc độ của Phật Hương Tích. Hội sau cùng thì nêu quốc độ của Phật Vô Động.

2. Đầu tiên thì nói về cõi Phật ở phương dưới, kể đó là luận cõi Phật ở phương trên, các hội kia thì nêu các cõi Phật ở phương khác; cõi Phật tuy nhiều, nhưng chỉ lược nêu ba cõi là gồm thâu tất cả.

3. Đầu và cuối nói về âm thanh cõi Phật, Hương tích thì nói về thể giới vô ngôn. Nêu hai môn này, cũng là gồm thâu tất cả cõi.

4. Hội đầu tiên nói về việc đồng chất mà thấy khác nhau; như chư thiên cùng dùng bát báu đựng thức ăn giống nhau, nhưng tùy theo phước đức của mỗi vị mà màu cơm có khác. Kể đến nói về việc khác chất thì thấy khác. Như cõi Hương tích và Ta-bà, là hai cõi tịnh uế, vì thế mọi người thấy khác nhau. Sau đó chuyển cõi tịnh vào cõi uế, tịnh uế đồng một cõi, hình chất khác nhau mà đồng ở một nơi. Quốc độ tuy nhiều,

nhưng chỉ lược nêu ba cõi là gồm thâu tất cả.

5. Hội đầu nói về tịnh độ chung và riêng; tức trước luận chung về nhân của tất cả tịnh độ, quả của tất cả tịnh độ đó là luận chung tịnh độ; Thân Tử sinh nghi, Như Lai biến thành tịnh độ, tức nói riêng về cõi Phật của Đức Thích-ca. Hai hội kế tiếp chỉ nói về cõi Hương tích và Vô động là nói về quốc độ riêng biệt. tịnh độ tuy nhiều nhưng chẳng ngoài hai cõi chung và riêng này.

6. Hội đầu tiên nói về hai cõi là báo độ và ứng độ. Nên ứng vào cõi nào, để pháp khởi căn cơ Bồ-tát mà nhập trí tuệ Phật, là ứng độ; tu nhân trực tâm, cảm quả tịnh độ, tức là báo độ. Hai hội sau, luận chung hai cõi báo và ứng.

7. Hội đầu nói về thể dụng của tịnh độ. Nhân quả của ứng độ, báo độ là thể của tịnh độ, ấn đất biến thành tịnh, hiện cõi nước làm lợi ích chúng sinh, đó là dụng của tịnh độ. Hai hội sau cùng chỉ nói đến dụng mà không nói đến thể của tịnh độ. Muốn luận về tịnh độ, cần phải đề cập đến bày môn này.

Hỏi: Ba hội đều nêu lên việc luận quả tịnh độ không đồng với việc luận nhân tịnh độ, nhưng trong đó có gì khác nhau?

Đáp: Đầu tiên nói rộng về nhân, kế đó lược nêu tám pháp; sau khuyên chung nên tu hạnh của Phật Vô Động. Đó là từ rộng về lược. Hội đầu tiên nói về nhân năng hóa, cho nên nói rằng khi Bồ-tát thành Phật sẽ được quả tịnh độ. Hai hội sau luận về nhân sở hóa; muốn sinh về tịnh độ, nên tu tám pháp. Nhân tịnh độ không ra ngoài rộng lược, năng hóa sở hóa.

Hỏi: Ba hội đều nói về nhân quả pháp thân có gì khác biệt?

Đáp: Hóa chủ khác nhau, chúng có ba căn cơ, như trên đã giải thích. Nhưng căn cứ theo nghĩa thì lược có ba:

1. Hội phương trượng thứ nhất với nhân quả sinh tử hoạn lụy, mà tán thán nhân quả pháp thân; hội phương trượng thứ hai, phần lớn là phá hai mê chấp đại tiểu, mà luận về diệu hạnh của Bồ-tát, tức do người và pháp thân mà thành quả đức vô thượng. Nhưng cũng có nói về nghĩa của quả, như kinh ghi: “Thân Phật vô lậu vì các lậu đã hết, thân Phật vô vi, không rơi vào số lượng”. Vô lậu thì nhân của ngũ trụ bị ngã đổ, vô vi thì tránh được hai loại tử. Đây là quả thân bản; hiện thân ở cõi năm trước, là quả thân tích. Am viên trung hội. Nói thể pháp thân thì bất một trăm điều chẳng phải (bách phi), hình thì đầy đủ vạn đức. Muốn biết về pháp thân, ắt phải đủ ba nghĩa là: nhân quả, bản tích, thể pháp thân tuyệt bách phi, đầy đủ các đức. Vì thế ba hội đều nói về ba môn này.

2. Việc làm ở ba hội đều khác nhau. Nói về nghĩa mỗi mỗi sai biệt, hội đầu tiên, đối với phàm phu mà luận đến pháp thân. Vì sao biết được? Phẩm phương tiện ghi rằng: “Quốc vương, trưởng giả và vô số trời người đến thăm bệnh”, cho nên nói sinh tử khổ lụy và tán thán các đức của pháp thân, phẩm Đệ Tử thì đối Nhị thừa mà cho rằng Phật tuy bên ngoài đầy đủ các tướng tốt, bên trong có chủng trí, nhưng con đường sinh diệt chẳng khác Thanh văn, cho nên nói thân Phật vô lậu vô vi, hàng Nhị thừa không thể suy lường được. Trước thì nói rằng khác với phàm phu, sau thì luận siêu bậc Thánh. Đó đều là vì phàm phu và Nhị thừa mà lập thành hai vậy. Lúc bấy giờ đại chúng nghe những điều nói trên, liền sinh dị chấp, nên mới khiến ngài Tịnh Danh làm cho họ xa lìa hai kiến chấp này mà quán thân thật tướng, quán Phật cũng như thế. Vì vậy “Tâm, Phật, chúng sinh cả ba không sai biệt, đạo xa lắm ư? Gặp việc tức chân, bậc Thánh xa lắm ư? Thể hội được nó tức là thân.” Cho nên chẳng sinh khởi hai kiến chấp.

3. Hai hội đầu tiên chính thức luận pháp thân, hội sau thì nói về Phật tánh. Vì sao biết được? Quán thân thật tướng quán Phật cũng thế, pháp thân đã là thật tướng trong thân, cho nên biết thật tướng tức Phật tánh.

Hỏi: Thật tướng là pháp tánh, vì sao nói là Phật tánh?

Đáp: Nếu thật tướng tức pháp tánh, thì lẽ ra phải nói: “Quán pháp cũng như thế!” Vì sao lại nói: “Quán Phật cũng như thế”. Vả lại, nếu nói pháp tánh tuyệt một trăm phi, chân đế bao hàm vạn đức, thì đâu được nói pháp thân? Cho nên biết hai hội trước luận về pháp thân, một hội sau nói về Phật tánh. Có ba môn này thì nghĩa mới đầy đủ. Vì thế trong một bộ kinh, hoặc ẩn hoặc hiển đều có nói đến điều đó.

Hỏi: Ba hội chỉ luận hai thân, thì cũng đầy đủ ba thân Phật chẳng?

Đáp: Cũng có ba thân Phật, hội đầu tiên nói tướng hảo của thân Phật, Bảo Tích khen ngợi tám tướng thành đạo, đó là hóa Phật. Hội kế tiếp, nói về việc từ vô lượng công đức sinh, tức là báo Phật. Hội cuối cùng luận tuyệt một trăm phi, vạn đức tròn đầy là pháp thân Phật.

Hỏi: Từ vô lượng công đức sinh, vì sao gọi là báo Phật?

Đáp: Kinh Kim Canh Bát-nhã ghi: “Như Lai từ kinh này sinh, từ kinh này xuất hiện”. Luận ghi: “pháp thân vốn có là xuất, báo Phật do tu tập mới thành gọi là sinh”.

Hỏi: Ba thân Phật là do các sư phương Bắc luận biện, đâu được căn cứ vào, vì đó là các nghi thiển kiến, chẳng phải là luận thuyết của

khấp nơi. Một Phật, hai Phật, ba thân, mười thân, các kinh luận có đề cập đến rất nhiều, đâu thể vì nghe hai thì tin nhận, nghe ba thì kinh nghi?

Hỏi: Các ngài Đạo Sinh, Tăng Triệu, Đạo Dung và Tăng Duệ đều chú thích kinh Tịnh Danh, vì sao không giải thích như thế này?

Đáp: Những vị ấy chẳng phải là không có ý này, nhưng lúc bấy giờ kinh luận chưa đầy đủ, cho nên nghĩa không rõ ràng.

Hỏi: Vì sao chưa đầy đủ?

Đáp: Các kinh như Niết-bàn, Hoa Nghiêm, Thắng Man, Đại Tập cùng các bộ Địa luận, Kim Cang Bát-nhã, Nhiếp Đại Thừa, Pháp Hoa, Duy Thức, Bảo Tánh... truyền đến đất này rất trễ. Như trong Dự Nghi luận của Ngài Tăng Duệ ghi: “Ngài La-thập chưa được thấy kinh Nê-hoàn sáu quyển, nếu ngài được thấy kinh này, thì sẽ như mặt trời chiếu soi thân thể, cam lồ nhuần thấm bốn chi”.

Bốn hội nói về hai loại pháp môn: Hai hội phương tượng nói về pháp môn hiện bệnh, hai hội Am viên nói không bệnh mà phương tiện hiện bệnh, tức quyền trí, không bệnh tức thật trí. Nhưng kinh này nói bệnh và không bệnh, tức lấy hai trí quyền thật làm tông, vì thế hai hội nói về bệnh, hai hội nói về không bệnh. Phàm chúng sinh có cảm nên mới hiện sinh, cơ đã hết nên ứng cũng dứt. Ngài Tịnh Danh sắp trở về cõi Diệu hỷ, nên ẩn tích hóa độ cõi Ta-bà, làm việc lợi sinh tối hậu. Vì vậy hai hội nói về hiện bệnh. Đức Phật trụ tại Am viên, tập chúng thuyết pháp, là nguyên do của việc thăm bệnh, cho nên hội đầu tiên chẳng nói đến hiện bệnh. Ở phương tượng việc lợi ích chúng sinh đã xong, liền hiện sức thần thông dùng bàn tay phải đưa đại chúng đến Am viên; sau đó lại dùng bàn tay phải đưa cõi Diệu hỷ vào cõi ứng nhãn này. Nếu nằm trên giường bệnh thì việc này chẳng thành. Vì thế, hội sau cùng nói về việc chẳng bệnh.

**- Bốn hội nói về ba pháp môn:**

Kinh Đại Phẩm ghi: “Chư Phật trụ ở ba việc mà thị hiện nói mười hai bộ kinh, ba việc là: Tha tâm luân, Thần thông luân và thuyết pháp luân”. Tha tâm luân, tức lặng lẽ chiếu soi biết rõ căn bệnh và thuốc; tức là thật trí. Thuyết pháp, hiện thần thông, tùy bệnh cho thuốc, nói về động dụng tức là quyền trí. Hội đầu tiên, hợp tất cả bảo cái, hiện quốc độ, ẩn đất biến thành thanh tịnh, tức là thần thông. Nói nhân quả tịnh độ, là thuyết pháp. Tha tâm thông xuyên suốt hai việc này. Hội kế tiếp, chẳng bệnh mà hiện bệnh, tức là thần thông, nói về nhân quả pháp thân, là thuyết pháp. Hội thứ ba tượng thất trống tiếp khách, mượn tòa, xin

cơm, là thần thông; ngoài những việc này ra, thì đều là thuyết pháp. Hội cuối cùng tay đưa đại chúng, tay dờ cõi Diệu hỷ là thần thông, ngoài việc này ra thì đều là thuyết pháp. Vì thế kinh này chỉ nói ba luân.

Tuy có bốn hội mà vẫn chỉ có ba:

1. Từ phẩm đầu tiên đến phẩm Phật Đạo là nói về hai pháp môn.
2. Phẩm Bất Nhị Pháp Môn là nói về pháp môn Bất nhị.

3. Từ phẩm Hương Tích đến hết kinh, lại nói về hai hạnh. Đầu tiên nói nhân quả của Tịnh Độ và pháp thân, là muốn hiển bày chẳng nhân chẳng quả, cho nên gồm thâu nhân quả trở về Bất nhị. Kế đến từ Bất nhị (chẳng hai) mà khởi hai dụng. Như thế hai mà chẳng hai, chẳng hai mà hai, tất cả đều là nghĩa nhân duyên. Do chẳng hai cho nên có hai, do hai cho nên có chẳng hai; đây là hai mà chẳng hai, gọi là chẳng hai mà hai. Do hai mà chẳng hai, cho nên chẳng phải là chẳng hai (Bất nhị); do chẳng hai mà hai, cho nên chẳng phải là hai. Vì thế chẳng phải hai chẳng phải chẳng hai; không thể tìm được dấu vết, gọi đó là bất tư nghị. Chư Phật và Bồ-tát trụ ở bất tư nghị này, cho nên chẳng phải là hai (nhị) chẳng phải là chẳng hai (bất nhị), mà thường khởi hai và chẳng hai. Tuy thường hai và chẳng hai, mà chưa từng là hai và chẳng hai. Cho nên hai và chẳng hai vô ngại, gọi đó là giải thoát. Căn cứ vào nhân quả mà nói về thâu nhập, xuất dụng như thế, thì bệnh không bệnh, quyền thật, tư nghị, bất tư nghị cũng như thế. Nói về tư nghị, bất tư nghị là muốn hiển bày nghĩa chẳng phải tư nghị, chẳng phải bất tư nghị là bất nhị. Đạo cùng tột đã chẳng phải tư nghị há lại là bất tư nghị sao? Cho nên kinh Hoa Nghiêm ghi: “Đồng mãnh, cần, tinh tấn, chánh niệm, tư duy phát nơi tư duy cũng là tư duy của chẳng tư duy, vì pháp tịch diệt”. Vì chẳng phải tư nghị, chẳng phải bất tư nghị mà hay tư nghị bất tư nghị, cho nên nói đến quốc dụng.

Tuy có bốn hội nhưng chỉ có ba thời: Từ đầu kinh đến phẩm Pháp Môn Bất nhị là thuật về việc thuyết pháp lợi sinh trước khi dùng cơm. Kế đến, từ phẩm Hương Tích là thuyết pháp lợi sinh khi mới dùng cơm. Thứ ba là từ khi dùng cơm Hương tích xong đến hết kinh là làm lợi ích chúng sinh sau khi dùng cơm. Tiếp theo là nói về hội, tuy có bốn mà hợp thành ba môn. Từ hội đầu tiên đến phẩm Bồ-tát là môn phá ba loại bệnh; hai, từ phẩm Vấn Tật đến hết phẩm Hương Tích là chỉ môn tu hành. Ba, từ Am viên trùng hội là luận về môn hạnh thành đức lập. Ba môn này theo thứ tự phá ba căn bệnh làm chướng ngại đạo Bồ-tát, cho nên trước phải phá ba căn bệnh dứt thì mới được tu tập hạnh Bồ-tát, cho nên có môn thứ hai là tu hành môn. Ba bệnh đã trừ, hai tuệ đã thành, thì



nhân Bồ-tát đã tròn, quả pháp thân đã mãn, cho nên có môn thứ ba. Ba môn này gồm thấu tất cả giáo, không bệnh nào không phá trừ, không hạnh nào chẳng lập, không quả nào không tròn. Ba môn này mỗi môn lại gồm ba môn:

**- Ba môn của môn thứ nhất là:**

1. Phẩm Phật Quốc và phẩm phương tiện phá trừ bệnh của phàm phu.

2. Phẩm Đệ Tử phá bệnh của Nhị thừa.

3. Phẩm Bồ-tát phá bệnh của Bồ-tát.

Ba hạng người có ba căn bệnh, một người cũng có đủ ba căn bệnh này.

**- Ba môn của môn tu hành thứ hai:**

1. Từ phẩm Vấn Tật đến phẩm Phật Đạo, nói về môn hai tuệ; trong đó phương tiện thật tuệ thì lìa hạnh phàm phu, thật tuệ phương tiện thì lìa hạnh Nhị thừa.

2. Phẩm Bất Nhị Pháp Môn, nói thật tuệ do bất nhị mà thành, tức nói về gốc của hai tuệ.

3. Phẩm Hương Tích, đã liễu được gốc bất nhị, thì liền có quán bất nhị mà nhị, nên thấu rõ được dụng của hai tuệ.

**- Ba môn của môn thứ ba:**

1. Phẩm Bồ-tát hạnh nói về mười phương cõi Phật vô ngại tức hạnh vô ngại.

2. Đoạn bất tận bất trụ là nói về hạnh thiện xảo.

3. Phẩm Kiến A-Súc Phật nói về quả hai thân bản tích.

Đầu tiên phá bệnh phàm phu, hai hội nói khác nhau. Hội đầu tiên nói nhân quả tịnh độ, khiến chúng sinh xả bỏ nhân uế mà tu nghiệp tịnh độ. Hội kế tiếp nói về nhân quả pháp thân, khiến phàm phu xa lìa nhân sinh tử mà tu tập người và pháp thân. Hai hội phá hai nhân y chánh của phàm phu, khiến họ cầu hai quả y chánh Như Lai.

Hỏi: Hai hội này cùng hóa độ Nhị thừa và Bồ-tát, vì sao chỉ nói phàm phu?

Đáp: Nói chung thì nói đủ ba hạng người, nhưng theo thứ tự ba phẩm, thì sau đã phá Thanh văn và Bồ-tát, cho nên trước phá phàm phu.

Hỏi: Kinh chỉ có bốn hội, mà không có văn của ba chương, vì sao lại cưỡng phân như thế?

Đáp: Bảy xứ tám hội của Hoa Nghiêm, chẳng căn cứ theo hội xứ để phân đoạn văn, mà đặt riêng hội xứ ra ngoài tự phân chương đoạn.

Nay thì cũng như thế, nghĩa có quy tắc điều lệ, xin chớ nghi ngờ.

Hỏi: Ở kinh Hoa Nghiêm nói về việc từ đất vọt lên trời, biểu thị cho năm mươi hai giai vì bất đồng có thể phân sâu cạn là khác nhau. Nay không có việc này, vì sao gọi là giống nhau?

Đáp: Kinh Hoa Nghiêm nói từ đất vọt lên trời, từ trời trở lại đất, là đã căn cứ vào xứ sở để biểu thị pháp môn. Kinh này thì nói từ Am viên đến phương trượng, từ phương trượng trở lại Am viên, vì sao lại không nói được thứ bậc kia chứ?

Hỏi: Ở kinh Hoa Nghiêm trước thì tập hội ở dưới đất, nói về hai quả y chánh, kế đó lên trời nói về nhân hạnh là ba mươi tâm và Thập địa; rồi từ trời trở xuống đất, lập lại môn quả. Kinh này có như thế chăng?

Đáp: Cũng có ý này, hai hội đầu tiên nói về hai quả y chánh của Phật. Phẩm Đệ Tử về sau mới nói đến tu nhân. Sau trở về Am viên lại nói thêm về quả.

Hỏi: Hoa Nghiêm luận về tánh khởi, chánh thức nói về việc gồm thâu nhân quả trước kia trở về chánh pháp, từ chánh pháp lại khởi nhân quả. Kinh này có như thế chăng?

Đáp: Cũng có nghĩa này, như phẩm Pháp Môn Bất Nhị, thâu nhị trước trở về bất nhị, rồi từ bất nhị khởi dụng là nhị.

Hỏi: Hoa Nghiêm nói Nhị thừa chẳng thấy nghe kinh này có ý đó chăng?

Đáp: Cũng như thế, nghe Bất Tư Nghị này như người mù thấy sắc, tức là ý này.

Hỏi: Hoa Nghiêm nói nhân thì có ba mươi tâm và mười Địa, quả thì có pháp thân và tịnh độ, kinh này có nói đủ như thế chăng?

Đáp: Hoa Nghiêm luận riêng về giai vị, cho nên có các vị khác nhau, kinh này chỉ nói về hai tuệ, mà chẳng bàn đến sâu cạn. Nếu theo văn mà luận, thì tổng tướng là nói vị, như phá phàm phu Nhị thừa, khiến vào giai vị Thập tín; phá Bồ-tát, khiến từ nội phàm mà vào Sơ địa, từ Sơ địa tiến tu cho đến quả Phật.

Hỏi: Vì sao hai kinh lại giống nhau?

Đáp: Hai kinh cũng có tên là Bất tư nghị giải thoát, cùng là Phật và Bồ-tát tuyên thuyết. Như ngài Tăng Triệu nói: “Khiến Văn-thù từ phương khác, triệu Duy-ma từ cõi kia, cùng hội ở Tỳ-da, cùng hồng dương đạo lớn” tức là nghĩa “Ở xa mà gia hộ”, cho nên đại khái hai kinh giống nhau. Các nhà giảng kinh xưa không có ngôn từ giải thích này, mong suy nghĩ kỹ, chớ có kinh nghi. Bấy khoa đầu, chính thức giải thích

pháp môn được nói, sau gom bốn hội phân làm ba chương, ý kinh bao hàm rất rộng, một trang chẳng luận hết, mong rằng những người nghiên tâm yếu chỉ, chớ ngại vì rườm rà mà chẳng cần đến!

